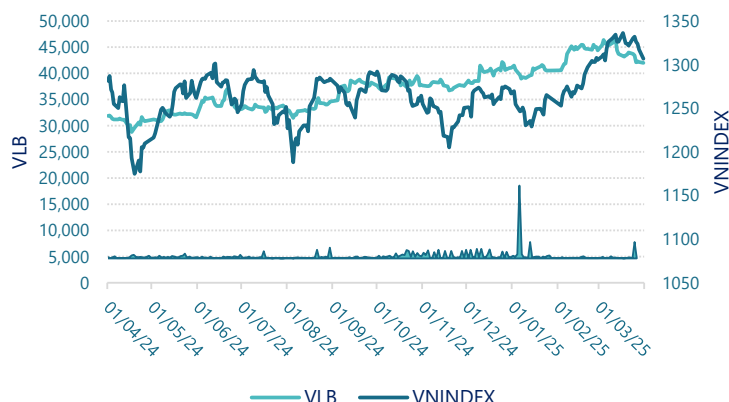


CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (UPCOM: VLB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	42,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,798
SL cổ phiếu LH	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	104,785
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,962
P/E	8.7
EPS	4,811

DT thuần

Q1/25

339

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.0| -5.6%

YoY: ▲49.0| 16.8%

LN sau thuế

Q1/25

58.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.10| -6.6%

YoY: ▲6.80| 13.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

21.1%

+/- YoY: ▲3.9%

DT thuần

2024

1,304

tỷ VNĐ

YoY: ▲301| 30.0%

LN sau thuế

2024

218

tỷ VNĐ

YoY: ▲75.0| 52.9%

ROE

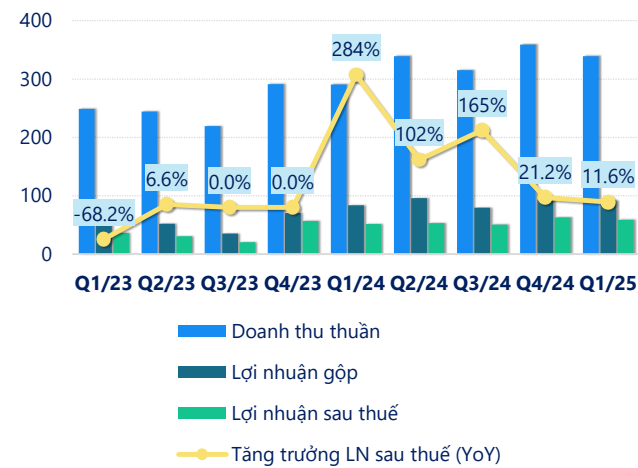
2024

34.5%

+/- YoY: ▲9.4%

tỷ VNĐ

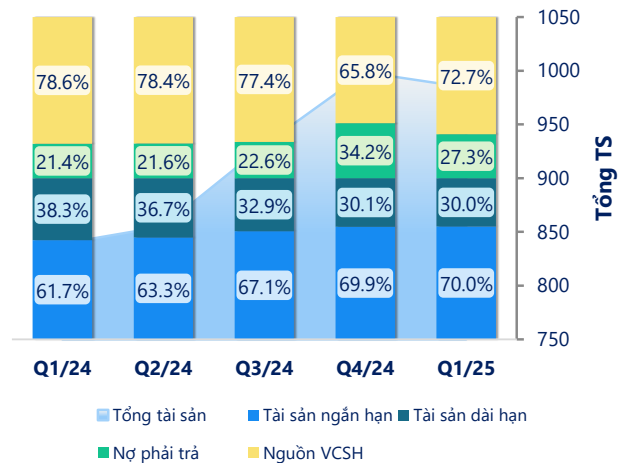
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

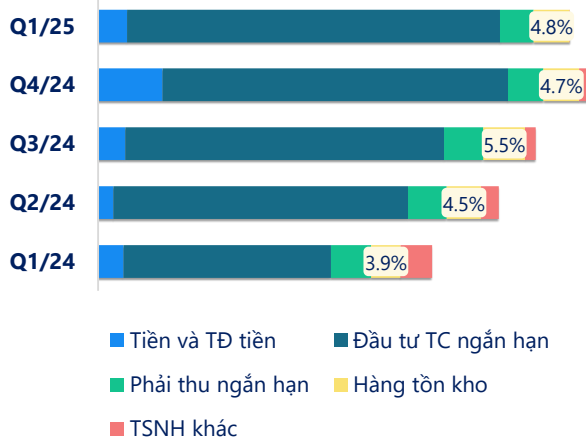
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



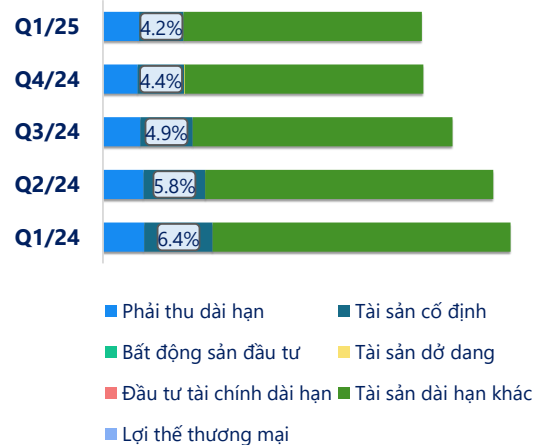
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

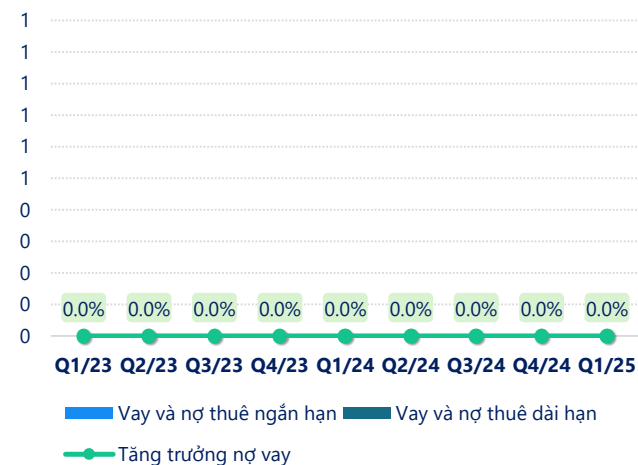
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

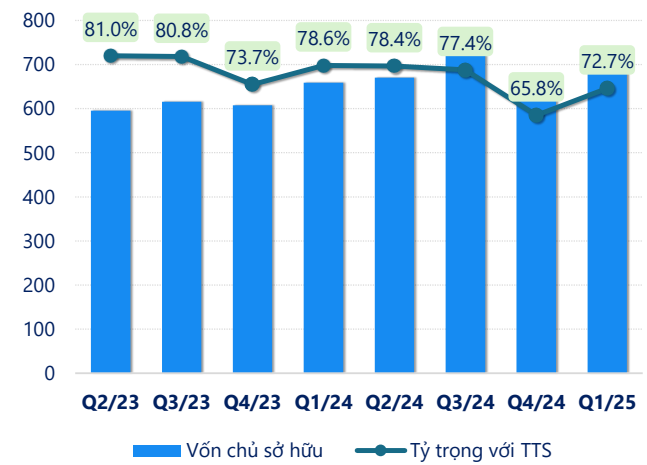
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

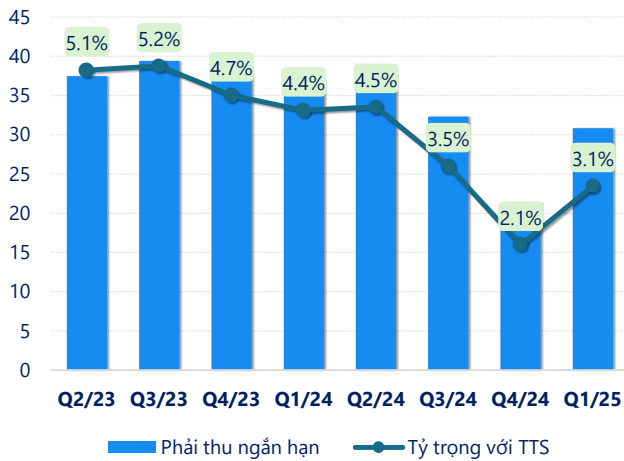
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



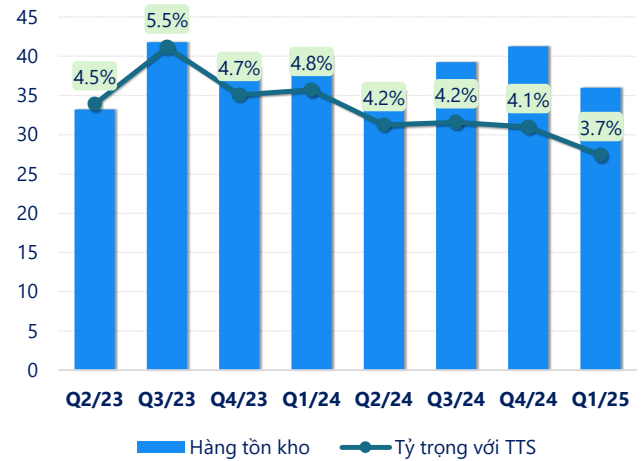
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


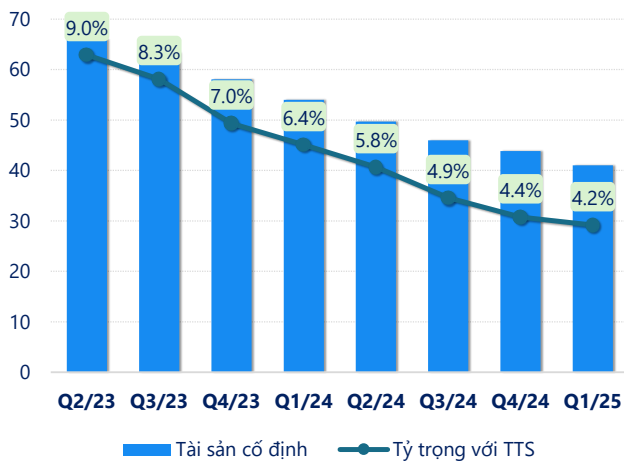
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


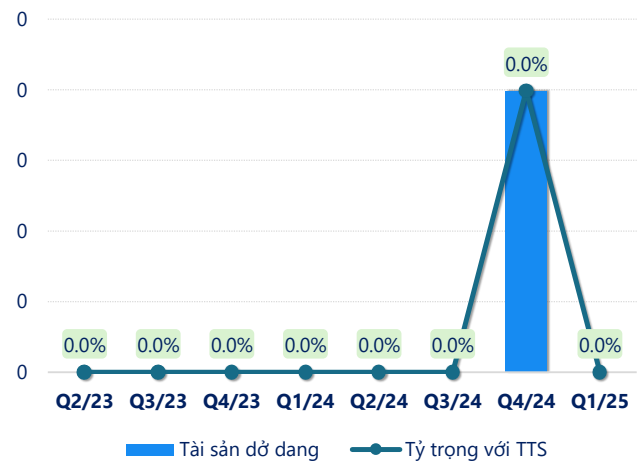
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

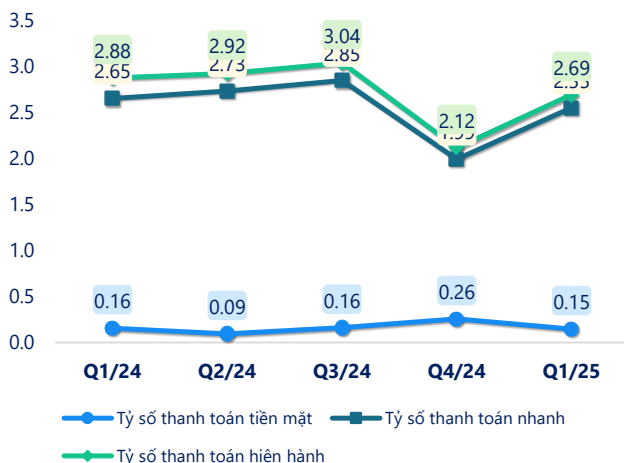
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

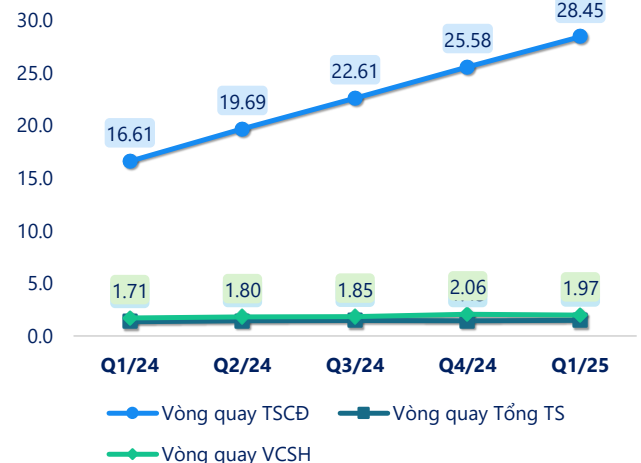
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	839	855	931	998	985
Tài sản ngắn hạn	517	541	625	698	689
Tiền và tương đương tiền	28.2	17.4	33.4	84.6	37.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	412	450	520	551	585
Phải thu ngắn hạn	37.1	38.3	32.3	21.3	30.8
Hàng tồn kho	40.0	35.6	39.2	41.3	36.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.06	0.03	0.00	0
Tài sản dài hạn	322	314	306	301	295
Phải thu dài hạn	32.6	32.6	32.6	32.6	33.6
Tài sản cố định	54.0	49.7	46.0	43.8	41.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.20	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	235	231	228	224	221
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	180	185	210	341	269
Nợ ngắn hạn	180	185	206	330	256
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	25.6	24.6	25.6	20.5	34.7
Nợ dài hạn	0	0	4.69	11.8	12.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	659	670	721	657	716
Vốn chủ sở hữu	659	670	721	657	716
Vốn điều lệ	469	469	469	469	469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)